

# ***Phúc Âm Cứu Khổ***

**Năm Chân Lý  
của  
Phúc Âm Cứu Khổ**

**Giáo Sư Trần Đào**

## **Phúc Âm Cứu Khổ Năm Chân Lý Phúc Âm**

### **Giới Thiệu**

Người Việt chúng ta dù trí thức hay bình dân, dù chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo và văn hóa khác nhau nhưng khi gặp khó khăn, nguy khốn hay bị oan ức, bất công vẫn kêu: “Trời ơi!”. Tại sao chúng ta lại kêu cầu như vậy?

Vì sâu kín trong tâm tâm người Việt, cũng như đa số nhân loại, chúng ta vẫn tin có Ông Trời, Đấng Tạo Hóa chí công, chí ái, thưởng phạt công minh và có đủ quyền năng để giải cứu con người; vì thế người ta mới cầu khẩn đến Ông Trời.

Thật ra Ông Trời đã có chương trình giải cứu nhân loại thoát ra khỏi mọi đau khổ và sự chết đời đời.

Xin phép Ông (bà, cô, anh, chị) cho phép tôi vài phút, chúng tôi sẽ trình bày rõ ràng chương trình cứu rỗi này để ông bà biết.

### **Chân Lý Thứ Nhất:**

*Chúa Giê-su chính là Ông Trời đã giáng thế làm người để giải cứu con người ra khỏi cuộc đời đau khổ và sự chết đời đời nơi hỏa ngục.*

Đại đa số người Việt đều biết Ông Trời sinh ra vũ trụ vạn vật và con người.

Chúng tôi xin giới thiệu cùng đồng bào Đức Chúa Giê-su, cũng có danh hiệu là Chúa Cứu Thế, chính là Ông Trời.

Từ ngàn xưa người Việt chúng ta đã biết Ông Trời là Đấng sinh và dưỡng vạn vật:

“Trời sinh, Trời dưỡng”.

“Trời sinh voi, sinh cỏ”.

Người Việt sống nhiều về nông nghiệp nên đã biết cầu Trời để ban mưa thuận gió hòa, cho đồng ruộng tươi tốt:

“Lạy Trời mưa xuống,  
Lấy nước tôi uống,  
Lấy ruộng tôi cày,  
Lấy đầy bát cơm...”

Người chồng giải thích về Ông Trời cho vợ hiểu:

“Con chim nó hót trên cành,  
Nếu Trời không có, có mình làm sao?  
Con chim nó hót trên cao,

Nếu Trời không có, làm sao có mình.”

Tin tưởng Ông Trời là Đấng tạo thiên lập địa là niềm tin phổ thông, nhưng những cô gái thông minh, tinh nghịch cũng muốn thử tài các anh học trò lâu thông kinh sách:

“Thấy anh hay chữ,  
Em hỏi thử đôi lời,  
Thuở tạo thiên lập địa,  
Ông Trời tròn ai xây?”

Người Việt chúng ta tin Ông Trời là Đấng có quyền thưởng phạt công minh:

“Ở hiền thì lại gặp lành,  
Những người nhân đức Trời dành phúc cho.”

Ông Trời có quyền ban phúc nhưng cũng có thể lấy lại:

“Của Trời, Trời lại lấy đi,  
Giương hai mắt ếch làm chi được Trời.”

“Trời cho không ai thấy, Trời lấy không ai hay.”

Ông Trời tuy là Đấng vô hình nhưng lại ở khắp nơi và biết tất cả mọi sự, không gì có thể thoát khỏi tầm tay của Trời:

“Ai bảo Trời không có mắt?”

“Đèn Trời soi xét”

“Lưới Trời lồng lộng nhưng khó thoát.”

Người Việt chúng ta tin vào quyền tể trị của Ông Trời; nước non của chúng ta là do Trời định đoạt: “Nước non là nước non Trời,

Ai chia được nước, ai dời được non.”

Trong lịch sử Việt Nam danh tướng Lý Thường Kiệt đã bày tỏ lòng tin nơi Trời, Đấng phân định ranh giới cho đất nước ta; người đã cho loan truyền một bài thơ bốn câu bằng chữ Hán để khích lệ lòng dân quân đứng lên chống quân xâm lược nhà Tống; học giả Hoàng Xuân Hãn đã dịch nôm bài thơ đó:

“Sông núi nước Nam vua Nam coi,  
Rành rành một phận ở sách Trời,  
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm,  
Bây sẽ tan tành, chết sạch toi.”

Người Việt chúng ta từ ngàn xưa không những chỉ biết giữ gìn đất nước thân yêu nhưng cũng biết và muốn giữ Đạo Trời:

“Dù ai nói ngược nói xuôi,  
Ta đây vẫn giữ Đạo Trời khăng khăng.”

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, giao tiếp với nhiều nền văn hóa Đông Tây khác nhau, ngôn ngữ Việt ngày càng phong phú, súc tích hơn, nhưng khi bày tỏ những tâm tình sâu xa trong lòng, hay cầu khẩn với đấng thiêng liêng cao cả trong những lúc khổ đau, người Việt vẫn kêu đến Đấng tối cao: “Trời ơi!”.

Cũng như hầu hết nhân loại, người Việt chúng ta từ ngàn xưa đã biết đến Ông Trời (từ Hán Việt gọi là Thượng Đế, người Tin Lành gọi là Đức Chúa Trời) qua thiên nhiên, nhờ lương tâm hay lý trí. Tuy nhiên sự hiểu biết về Ông Trời qua thiên nhiên chỉ là sự hiểu biết sơ

đăng, mơ hồ và giới hạn; con người vẫn chưa biết rõ Ông Trời là ai, con người phải sống như thế nào cho đúng với Đạo Trời và thờ Trời như thế nào mới hợp với ý Trời. Vì thế khi con người có chữ viết, Đức Chúa Trời đã dùng nhiều người để ghi chép lại những lời giáo huấn và công việc của Ngài, đó là Kinh Thánh. Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời để dạy cho loài người biết rõ hơn và đúng hơn về Đức Chúa Trời, những lời giáo huấn của Ngài, chương trình cứu rỗi nhân loại .v.v... Kinh Thánh xác nhận Ông Trời hay Đức Chúa Trời chính là Đấng Tạo Hóa sáng tạo ra vũ trụ, vạn vật: (Sáng Thế 1:1)

“Ban đầu, Đức Chúa Trời sáng tạo trời đất.”

Thánh Thi (19:1) cũng tuyên bố:

“Các tầng trời loan truyền vinh quang của Đức Chúa Trời, Cõi không gian tuyên bố công việc của tay Ngài.”

Đức Chúa Trời đã ban cho con người một lương tâm hiểu biết điều thiện, điều ác, một tấm lòng để phân biệt phải, trái. Ngài cũng đã truyền một số những luật lệ đạo đức trong Kinh Thánh để dạy dỗ muôn dân. Nhưng loài người vẫn sống trong tối tăm, đắm chìm trong đau khổ.

Cuối cùng, cách đây trên hai ngàn năm, vào thời đại cuối cùng này, chính Ông Trời đã giáng thế làm người, tức là Chúa Giê-su hay Chúa Cứu Thế. Chúa Giê-su là hiện thân của Ông Trời trong thân xác một con người. Trước khi sáng thế Ngài cũng có một danh hiệu khác là Ngôi Lời. Kinh Thánh cho biết nguồn gốc của Chúa Cứu Thế

trước khi vũ trụ vạn vật được tạo ra; Ngài là ai, ở đâu và một vài công việc của Ngài:

“Trước khi sáng tạo vũ trụ đã có Ngôi Lời.

Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời.”

Chúa Cứu Thế chính là Ông Trời hay Đấng Tạo Hóa sinh ra vũ trụ vạn vật, từ vật hữu hình đến vật vô hình:

“Tất cả đều được Ngài sáng tạo. Không gì hiện hữu mà không do Ngài.”

Chúa Cứu Thế hay Ông Trời là nguồn của mọi sự sống và cũng là ánh sáng vật lý lúc khai thiên lập địa, lặn ánh sáng tâm linh cho nhân loại:

“Trong Ngài có nguồn sự sống và sự sống là ánh sáng cho nhân loại.”

Chúa Giê-su không những chỉ tạo ra muôn loài vạn vật nhưng Ngài cũng gìn giữ, bảo tồn vạn vật trong trật tự của nó:

“Đức Con là hiện thân của Đức Chúa Trời vô hình, là trường nam trên tất cả vạn vật. Vì mọi sự vật trên trời hay dưới đất, hữu hình hay vô hình, đều được sáng tạo trong Ngài, dù ngôi thứ, hoặc kẻ thống trị, giới lãnh đạo, bậc thẩm quyền, tất cả đều được dựng nên bởi Ngài và cho Ngài. Ngài hiện hữu trước tất cả vạn vật và vạn vật được giữ vững trong Ngài.” (Cô-lô-se 1:15-17)

Vì thương nhân loại đang lâm than trong đau khổ và sẽ đi vào sự chết đời đời, Ông Trời hay Ngôi Lời đã giáng thế làm người, tức là Chúa Giê-su hay Chúa Cứu Thế:

“Ngôi Lời đã giáng thế làm người, cư ngụ giữa chúng ta, tràn đầy ân sủng và chân lý.”

Ngày nay mỗi độ đông tàn, mùa xuân sắp đến, vào khoảng cuối năm Dương Lịch, người người khắp nơi trên thế giới đều hân hoan cử hành lễ Giáng Sinh, tức là kỷ niệm ngày Chúa Cứu Thế giáng sinh chào đời.

Chúa Giê-su hay Chúa Cứu Thế là hiện thân của Ông Trời trong thân xác của con người, cho nên Ngài có thể bày tỏ rõ ràng và chính xác nhất về Ông Trời cho loài người chúng ta:

“Chưa ai trông thấy Đức Chúa Trời bao giờ, chỉ Con Một Đức Chúa Trời ở tận trong lòng Cha mới giải bày được Đức Chúa Trời cho chúng ta.” (Giăng 1:18)

Chúa Giê-su không những chỉ dạy dỗ loài người về Ông Trời bằng lời nói và đời sống thánh thiện hàng ngày, nhưng Ngài cũng chứng tỏ tình thương của Trời muốn giải cứu con người ra khỏi cuộc đời đau khổ và cái chết đời đời:

“Đức Chúa Trời đã tỏ tình yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là tội nhân thì Chúa Cứu Thế đã chết thay cho chúng ta.”

Chúa Giê-su là một người hoàn toàn thánh thiện và vô tội, nhưng Ngài đã bằng lòng hy sinh chịu đau khổ và chịu chết thay cho nhân loại để giải cứu chúng ta ra khỏi cuộc đời đau khổ và sự chết đời đời nơi hỏa ngục. Như thế Chúa Giê-su chính là Ông Trời đã giáng thế làm người để cứu rỗi nhân loại.

***Đạo của Chúa Giê-su chính là Đạo Trời.***

***Tin Chúa Giê-su chính là tin Trời.***

***Thờ Chúa Giê-su chính là thờ Trời vậy.***

## Chân Lý Thứ Hai

### *Đời Sống Con Người Nhiều Đau Khổ.*

Con người ai cũng mong muốn có một đời sống hạnh phúc, sung sướng nhưng thực tế cho thấy đa số mọi người đều kinh nghiệm nhiều đau khổ hơn là hạnh phúc.

Người ta khổ vì nghèo đói. Mỗi ngày hàng triệu người trên thế giới chỉ mong có một chén cơm hay một ổ bánh mì ăn cho đỡ đói nhưng không có. Một số lớn khác dù không bị nguy cơ chết đói nhưng lại thiếu ăn kinh niên; người ta làm lụng cực khổ chỉ đủ ăn để kéo dài kiếp sống qua ngày, nhưng không đầy đủ như cơ thể đòi hỏi để sống khỏe mạnh.

Nhiều người khổ không những chỉ vì thiếu ăn mà thôi nhưng cũng vì thiếu mặc nữa. Đêm hôm lạnh lẽo, mùa đông giá rét bao nhiêu người thiếu quần áo ấm, cũng không chăn mền đầy đủ nên phải co ro trong những túp lều tranh vách lá, gió lạnh cắt da.

Nhiều người ăn không đủ no, mặc không đủ ấm nhưng lại phải lao động nhọc nhằn, làm việc cực khổ khiến cho cơ thể suy yếu, mỏi mòn.

Sống trong những điều kiện thiếu thốn như thế, bệnh tật, đau yếu là điều phải xảy ra. Không đủ cơm ăn, thiếu áo mặc đã là khổ, bệnh tật lại càng khổ và đau đớn hơn. Nền y khoa của nhân loại ngày nay đã tiến bộ khá xa, nhiều bệnh tật đã có thuốc chữa trị; nhưng một số thuốc và phương pháp trị liệu lại quá mắc tiền, người nghèo khó, cơm chưa đủ ăn làm gì có đủ tiền mua thuốc đắt tiền hay trả tiền khám bệnh cho bác sĩ; cho nên bị bệnh nhưng không tiền mua thuốc chữa trị, khổ vẫn hoàn khổ. Ngoài ra dù con người đã văn minh tiến bộ, sáng chế được nhiều thứ thuốc để chữa trị một số bệnh, nhưng nhiều bệnh nan y khác vẫn hiện diện mà con người chưa có thuốc trị như ung thư, bệnh tim mạch và bệnh AIDS (Sida) .v.v. Tại Hoa Kỳ, một nước giàu có, văn minh tiến bộ nhất thế giới nhưng số người chết vì bệnh tim mạch và ung thư cũng là con số cao nhất hằng năm.

Nghèo nàn, bệnh tật dường như chưa đủ, con người còn phải chịu nhiều tai họa chiến tranh, xung đột, chém giết lẫn nhau. Thật ra ở tại nhiều nơi, người dân nghèo đói, bệnh tật là vì tai họa chiến tranh, không thể canh tác, làm ăn hay phát triển gì cả. Tai họa chiến tranh là do chính con người tham lam, ích kỷ, tranh giành quyền lợi gây ra. Ngoài chiến tranh con người cũng chịu nhiều tai họa thiên

nhiên. Vào cuối năm 2004 thế giới lại phải chứng kiến một tai họa thiên nhiên khủng khiếp; sóng thần đã giết hại gần 300 ngàn người và gây cho vô số người phải chịu cảnh màn trời chiếu đất, cảnh đau khổ tại các nước Nam Á Châu thật không thể nào tả xiết.

Nhiều người nghĩ rằng nếu người ta giàu có thịnh vượng, sống trong hòa bình thì sẽ nhiều hạnh phúc. Nước Nhật từ mấy chục năm nay không có chiến tranh, là một trong những nước giàu có thịnh vượng nhất nhì trên thế giới. Năm 2003 có đến 32, 082 người tự tử chết tại Nhật, một con số kỷ lục trên thế giới. Trên đời này không ai hạnh phúc mà lại đi tìm cái chết; thật ra, một người không thể tìm thấy vinh dự, hạnh phúc trên đời nên mới đi tìm cái chết.

Trong một năm tại Hoa Kỳ có 101, 537 tai nạn chết người; nếu kể cả những tai nạn chỉ gây thương tích thì số người bị tai nạn sẽ cao hơn gấp bội. Đa số những tai nạn này là tai nạn xe cộ. Người ta phải làm việc, dành dụm tiền bạc mới có đủ tiền mua xe. Đối với người Mỹ xe hơi là một phương tiện di chuyển tiện lợi, thông thường, giúp cho người ta đi lại nhanh chóng, thoải mái hơn. Nhưng đối với nhiều người trên thế giới, xe hơi là một biểu tượng của thành công, giàu có và đem lại cho người sở hữu không ít vinh dự, hạnh phúc. Tuy nhiên chính cái vật mà người ta mong sẽ đem lại thoải mái, sung sướng và hạnh phúc đó

lại là nguyên nhân của muôn ngàn thương tích, chết chóc đau khổ.

Nhìn chung người ta thấy đời là đau khổ; dù một số ít người may mắn được kể như hạnh phúc, thì cái hạnh phúc ấy cũng ít oi và ngắn ngủi.

Vua thường được kể là những người có phước nhất; vua Đa-vít là một trong những vị vua oai hùng, quyền thế và giàu có trong lịch sử người Do Thái, nhưng vua đã than:

“Tôi kiệt sức vì than thở.

Đêm đêm giường tôi ngập tràn dòng lệ,

Chống tôi ướt đẫm nước mắt.

Mắt tôi mờ yếu vì sầu khổ.” (Thi 6:6-7)

Gióp, một trước giả trong Kinh Thánh đã nói lên chân lý này từ nhiều ngàn năm trước:

“Con người vốn yếu đuối mong manh,

Sống một số ngày ngắn ngủi,

Nhưng lại đầy phiền muộn.

Người nở ra như đóa hoa, rồi lại tàn;

Người vụt qua như chiếc bóng không dừng lại.” (Gióp 14:1-2)

Một triết gia khác trong Kinh Thánh đồng ý rằng đời người có nhiều ưu phiền, đau khổ và cũng ngắn ngủi nữa; tuổi già với những nỗi khổ kia sẽ kéo đến khi người ta chưa nghĩ đến:

“Hãy suy tưởng đến Đấng Tạo Hóa khi còn trong tuổi thanh xuân,

Trước khi những ngày hoạn nạn chưa đến,  
Trước những năm mà con không còn thấy vui thỏa nữa;  
Trước khi ánh sáng mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao  
trở nên tối tăm,  
Và mây lại kéo đến sau cơn mưa.  
Khi những kẻ canh gác nhà run rẩy,  
Những người mạnh sức cong khom,  
Khi các phụ nữ xay cối dừng lại vì ít người,  
Và các bà nhìn qua cửa sổ không còn thấy được nữa;  
Khi hai cánh cửa bên đường đóng lại,  
Và tiếng cối xay nhẹ dần;  
Khi người ta thức giấc với tiếng chim hót,  
Và giọng ca tiếng hát đều nín lặng;  
Khi con người e sợ các nơi cao,  
Và ngại gặp hiểm nguy ngoài đường phố;  
Khi cây hạnh trở bông,  
Cào cào lê lét nặng nề,  
Và người ta không còn mơ ước gì nữa.  
Khi con người đi về nơi ở đời đời của mình,  
Và người tang chế than khóc quanh đường phố;  
Trước khi dây bạc đứt và chén vàng bể,  
Bình vỡ ra bên suối,  
Và bánh xe gãy rời ra bên giếng;  
Cát bụi trở về với cát bụi,  
Và tâm linh trở về với Đức Chúa Trời là Đấng đã ban nó.”  
(Giáo Huấn 12:1-7)

Đời người thật ngắn ngủi, như gió thoảng, mây bay; ấy thế mà con người cũng không quyết định được vận mạng của mình. Một triết gia trong sách Giáo Huấn đã nhắc đến nỗi lo sợ lớn lao, sự đau khổ cùng tột mà loài người không ai tránh thoát: Sự chết.

“Thật vậy, mọi biến cố đều có thời kỳ và duyên cớ.  
Tuy nhiên, loài người gặp phải nhiều bối rối ưu phiền.  
Vì không ai biết được điều gì sẽ xảy ra,  
Nên không ai nói trước được ngày mai.  
Không ai có quyền trên hơi thở để cầm giữ hơi thở lại.

### **Chân Lý Thứ Ba:**

#### ***Tội Lỗi Là Nguyên Nhân Gây Ra Đau Khổ***

Từ ngàn xưa đến nay, con người ai cũng muốn được hạnh phúc và vẫn tìm kiếm hạnh phúc nhưng thực tế thì lúc nào cũng phủ phàng; đời sống đầy dẫy những đau khổ. Người ta không có hạnh phúc vì không đạt được tình trạng sung sướng, vui mừng và mãn nguyện trong mọi ý nguyện của mình trên đời.

Một số người cho rằng con người đau khổ vì thiếu hiểu biết; khi mọi người đều văn minh tiến bộ thì sẽ loại bỏ được đau khổ. Điều này cũng đúng một phần nào, nhưng không phải là câu giải đáp hoàn toàn cho tất cả mọi đau khổ đang xảy ra trên thế giới. Ngày nay tại những nước văn minh tiến bộ, nạn mù chữ không còn, sự hiểu biết phổ thông lẫn hiểu biết chuyên môn đều tiến bộ vượt bậc, nhưng đau khổ vẫn hiện diện và không ai thành thực mà dám nói rằng tất cả mọi người tại những nước này đều

hạnh phúc. Thực tế cho thấy những xã hội văn minh, tiến bộ vẫn còn nhiều nan đề gây ra đau khổ: Nạn cần sa ma túy; gia đình tan vỡ vì ngoại tình, ly dị; tự tử vì cô đơn, thất vọng; bị thương tổn vì những mối quan hệ bị cắt đứt, đổ vỡ .v.v đó là chưa nói đến những nan đề thông thường từ ngàn xưa đến nay như bệnh tật, đau yếu, già cả, chết chóc mà con người vẫn chưa chiến thắng được.

Nhiều người cho rằng nếu thế giới không còn chiến tranh, nếu quốc gia được hòa bình, yên ổn, có lẽ mọi người sẽ lo làm ăn, xây dựng và hạnh phúc sẽ đến. Nhưng khổ nỗi, thế giới chưa bao giờ có hòa bình thật sự và toàn diện. Lúc nào cũng có xung đột, nội chiến, tranh chấp địa phương, tranh chấp cá nhân. Ngay cả ở những nước tương đối không có chiến tranh vũ trang, chiến tranh ý thức hệ vẫn xảy ra hàng ngày trong xã hội, trên chính trường, trên báo chí, đài phát thanh và truyền hình. Trên thương trường, từ phạm vi cá nhân, quốc gia đến quốc tế, vấn đề tranh đấu, hơn thua; vấn đề chiếm đoạt thị trường, hưởng lợi là điều đương nhiên, thường tình trong xã hội. Như thế vấn đề hòa bình, hòa hiệp tùy thuộc vào mối liên hệ giữa con người với con người. Nhưng lịch sử nhân loại cho thấy con người khó có thể sống hòa bình, hòa hợp với người khác lâu dài.

Kinh Thánh cũng đã đặt câu hỏi về vấn đề tranh chấp, xung đột giữa con người với nhau:

“Vì đâu sinh ra những cuộc chiến đấu, tranh chấp giữa anh chị em?”

Và Kinh Thánh cho chúng ta thấy nguyên nhân của các cuộc tranh chấp, xung đột đó là dục vọng ích kỷ trong lòng người:

“Không phải do những ham muốn đang đấu tranh với nhau trong chi thể của anh chị em sao? Anh chị em tham muốn mà chẳng được gì; anh chị em giết người và ganh ghét mà không chiếm đoạt được; anh chị em vẫn tranh chấp và chiến đấu.” (Gia-cơ 4:1-2) Chúng ta có thể hỏi tại sao con người không thể sống hòa bình, hòa thuận với nhau được? Câu trả lời là ai cũng muốn làm chủ thể cái thế giới của mình, chủ thể trên tất cả những người đồng loại khác nữa, vì thế mối quan hệ giữa con người với con người luôn luôn căng thẳng và hay đứt đoạn, đổ vỡ. Con người lúc nào cũng muốn làm chủ, tế trị muôn loài vạn vật và cả những người chung quanh mình. Sở dĩ con người lúc nào cũng xung đột, tranh đấu để thống trị và khó sống hòa hợp với người khác vì từ nguyên sơ, thủy tổ của loài người do Đức Chúa Trời, tức là Đấng Tạo Hóa tạo nên (Sáng Thế 1:26-31), nhưng con người đầu tiên đó không muốn giữ mối quan hệ “sinh vật thọ tạo và Đấng Tạo Hóa” mà muốn bằng và giống như Đấng Tạo Hóa (Sáng Thế 3:5). Từ ý định muốn bằng và giống như Đấng Tạo Hóa, con người đầu tiên đã nghe theo lời dụ dỗ đối trá của

quỉ vương Sa-tăng, không vâng lời Đức Chúa Trời, hái và ăn trái cấm trong vườn Địa Đàng.

Khi con người bất tuân lệnh Thượng Đế, vi phạm vào mạng lệnh của Ngài, con người cũng mất luôn mối liên hệ với Đức Chúa Trời. Sự hiểu biết đúng đắn và chân thật về Ông Trời, về Đấng Tạo Hóa của mình đã mất, loài người thay vào đó bằng những hình tượng, bằng thiên nhiên, bằng những tà thần, bằng những thần thánh tưởng tượng và ngay cả bằng thú vật nữa. Nhưng mọi nỗ lực để thay thế Đức Chúa Trời chỉ là điều vô ích, hoài công. Không có Đấng Tạo Hóa, đời sống con người không thể có ý nghĩa đích thực, thiếu mục đích vĩnh cửu và vô hy vọng.

Đó là tội lỗi nguyên thủy và tội lỗi đã truyền ra cho toàn thể nhân loại.

Quan sát và phân tích kỹ hành động tội lỗi của con người đầu tiên, người ta thấy những yếu tố căn bản của tội lỗi như kiêu ngạo, bất tuân lệnh Đức Chúa Trời, vô tín, tham lam, bất mãn, bội tín, dối trá đều hiện diện trong hành động trên.

Khi phạm tội con người cũng bắt đầu kinh nghiệm mặc cảm tội lỗi, hổ thẹn. Người ta cảm thấy sợ Đức Chúa Trời thánh khiết và công chính cũng như sợ Ngài hình phạt. Tội lỗi đã cắt đứt mối liên hệ giữa con người và Đức Chúa Trời, nguồn của mọi sự sống, vì thế lao khổ, bệnh tật, già yếu đến với con người. Gia-cơ giải thích tiến trình của tội lỗi từ dục vọng đưa đến sự chết: “Nhưng mỗi người bị dục

vọng mình lời cuốn và quyến rũ. Dục vọng thai nghén sinh ra tội lỗi; tội lỗi trưởng thành sinh ra sự chết.” (Giacơ 1:14-15)

Tội lỗi cũng làm mối liên hệ giữa con người với con người đổ vỡ. Khi bà Ê-va tự động hái trái cấm, không hỏi ý kiến chồng và A-đam nhận lấy trái cấm từ bà Ê-va đưa cho mình và ăn, ông đã chấp nhận sự đảo lộn trật tự và trách nhiệm trong gia đình. Hai ông bà mở mắt và thấy sự lỏa lồ của mình và cảm thấy hổ thẹn cũng như sợ hãi. Sau đó vì ganh ghét và tức giận, anh em trong gia đình đã giết nhau; tội sát nhân đã xảy ra trong gia đình đầu tiên này. Những vấn đề xung đột, tranh đấu, kỳ thị, đàn áp, giết hại lẫn nhau đã bắt đầu từ một gia đình lan ra bộ lạc, dân tộc, quốc gia, các vùng và thế giới. Tất cả mọi nước trên thế giới ngày nay đều phải đối diện với những nan đề từ gia đình như ly dị, trẻ vị thành niên hư hỏng, cần sa ma túy đến vấn đề tranh chấp quyền lợi giữa chủ và thợ; tranh đấu vì ý thức hệ, kỳ thị chủng tộc, bạo động; vấn đề tranh chấp kinh tế, lãnh thổ, quyền lợi v.v.. Tất cả đều phát xuất từ dục vọng tội lỗi.

Dù con người có cố gắng đi tìm nơi thâm sâu, vắng vẻ để sống một mình, điều này tự bản chất là một điều trái với tự nhiên, nội tâm con người cũng không thoát khỏi hậu quả của tội lỗi. Vì khi sa ngã, con người đã trở thành một sinh vật đầy mặc cảm tội lỗi, sợ hãi, xấu hổ và ảo tưởng. Con người vẫn còn khả năng và ý chí hướng thiện nhưng

con người cũng bị lôi cuốn làm ác. Con người vẫn nghĩ đến, vẫn biết những lý tưởng cao cả, tốt đẹp nhưng lại thường hành động xấu xa, độc ác hơn cả dã thú. Lòng dạ con người đã trở nên xấu xa hơn cả mọi sinh vật; Kinh Thánh xác nhận điều này:

“Lòng người xảo quyệt hơn cả và bại hoại, không thể chữa lành.

Ai dò được lòng người.” (Giê-rê-mi 17:9)

Vì dục vọng ích kỷ con người đã hành động sai lầm, trái thói.

“Vì thế theo dục vọng của lòng họ, Đức Chúa Trời đã bỏ mặc họ đắm chìm vào trong sự nhơ nhuốc đến nỗi họ cùng làm nhục thân thể mình với nhau. Họ đổi chân lý Đức Chúa Trời lấy điều giả trá và thờ lạy, phụng sự tạo vật thay vì Đấng Tạo Hóa, là Đấng đáng được chúc tôn đời đời, A-men.”(Rô-ma 1:24-25)

Vì là một sinh vật tự do, con người khi phạm tội phải chịu trách nhiệm về hành động tội lỗi của mình. Kinh Thánh cho biết, hậu quả của tội lỗi là sự chết (Rô-ma 6:23) và sự chết đã đến với muôn loài vạn vật. Kinh Thánh tuyên bố: “Vì chúng ta biết rằng toàn thể tạo vật đều cùng rên xiết và quằn quại cho đến ngày nay. Không phải chỉ có vạn vật thôi mà cả chúng ta, cũng rên xiết, trong lòng tha thiết trông chờ sự làm con nuôi, là sự cứu chuộc thân thể chúng ta.” (Rô-ma 8:22-23)

Chết chính là nỗi đau khổ cuối cùng và khủng khiếp nhất mà con người phải chịu vì tội lỗi của mình.

### **Chân Lý Thứ Tư**

***Chúa Cứu Thế đã đến thế gian chịu khổ, chịu chết để giải cứu nhân loại thoát khỏi đau khổ và sự chết đời đời nơi hỏa ngục.***

Chúa Giê-su đã đến thế gian và chịu đủ mọi thống khổ như con người.

Nhiều người từ xưa đến nay khi quá đau khổ hay bị oan ức đã kêu Trời, không biết Trời cao kia có thấu cho nỗi oan và đau khổ của mình không. Người ta chất vấn và nghi ngờ như thế là vì Ông Trời là Đấng vô hình, không ai thấy và biết được bằng giác quan. Nhưng theo chương trình vĩnh cửu của Đức Chúa Trời, vào thời đại ân huệ cuối cùng này, chính Ngôi Hai của Đức Chúa Trời đã giáng thế làm người như chúng ta. Kinh Thánh xác nhận rõ: “Ngôi Lời là Đức Chúa Trời, Ngôi Lời đã giáng thế làm người cư ngụ giữa chúng ta, tràn đầy ân sủng và chân

lý. Chúng tôi đã tận mắt chiêm ngưỡng vinh quang Ngài, là vinh quang của Con Một đến từ Cha.” (Giăng 1:1, 14) Không những chỉ giáng thế làm người, Chúa Cứu Thế cũng đã sống như một con người bình thường và chịu hết tất cả những cám dỗ, đau khổ như một con người. Khi ở tại thế gian Chúa Giê-su đã hoàn toàn vâng phục Đức Chúa Cha dù phải chịu mọi điều thống khổ: “Dù là Con, Ngài cũng phải học tập vâng lời trong những điều thống khổ Ngài đã chịu.” (Hêb 5:8) Vì cũng là một người đã chịu mọi điều cám dỗ và đau khổ như mọi người khác trên thế gian cho nên Chúa Giê-su, hiện thân của Đức Chúa Trời, có thể cảm thông với những sự yếu đuối, cám dỗ và đau khổ mà loài người đã trải qua. “Vì chúng ta không có một vị thượng tế chẳng có thể cảm thông sự yếu đuối chúng ta, nhưng vị thượng tế này đã chịu cám dỗ đủ mọi mặt cũng như chúng ta song không hề phạm tội.” (Hêb 4:15) Dù tự bản chất Chúa Cứu Thế là Vua của cả vũ trụ vạn vật nhưng khi giáng thế làm người Chúa đã được sinh ra nơi chuồng lừa máng cỏ nghèo nàn. Ngài lớn lên trong một gia đình bình dân, nghèo khó. Trước khi bắt đầu công vụ truyền bá Phúc Âm về Vương Quốc Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su đã kiêng ăn cầu nguyện bốn mươi ngày bốn mươi đêm trong đồng hoang; trong khi bị đói khát như thế Chúa Giê-su đã bị Quỷ Vương cám dỗ đủ mọi mặt. Ngày nay chúng ta đều bị áp lực, cám dỗ về vấn đề cơm ăn, áo mặc thì Quỷ Vương cũng đã thử Chúa Giê-su về vấn đề

này. Nếu chúng ta đều thích được mọi người chấp nhận, ngưỡng mộ thì Chúa Giê-su cũng đã bị cám dỗ về phương diện này. Từ gia đình, đến cộng đồng, dân tộc, quốc gia và thế giới; đâu đâu người ta cũng thấy xung đột, tranh chấp, chiến tranh để nắm giữ quyền hành, bảo vệ quyền lợi hay bành trướng quyền thế. Chúa Giê-su cũng đã bị Quỷ Vương cám dỗ và hứa hiến dâng tất cả quyền thế trên thế gian cho Ngài nếu Ngài chịu quì xuống thờ lạy nó. Trong suốt cuộc đời tại thế, Chúa Giê-su đã bị giới lãnh đạo Do Thái ghen ghét, khinh khi, đàn áp và sau cùng họ thông đồng với giới chính quyền La Mã xử tử Ngài trên cây thập tự. Ngài đã bị hành quyết một cách dã man, đau đớn và chỉ dành cho những tử tội nô lệ, không phải là công dân La Mã.

Tiên tri I-sa đã mô tả Chúa Cứu Thế như một người chịu nhiều đau khổ:

“Người không có hình dung, cũng không uy nghi để chúng ta nhìn ngắm; Người cũng không có bề ngoài để chúng ta ưa thích.

Người bị người ta khinh bỉ và ruồng bỏ;

Là người bị đau khổ và biết sự đau ốm.

Người như kẻ giấu mặt trước chúng ta;

Người bị khinh bỉ; chúng ta cũng không xem người ra gì.”

(I-sa 53:2-3)

Chúa Giê-su đã bị cám dỗ về đủ mọi phương diện nhưng không vấp ngã và không phạm tội; vì thế Chúa có thể

hoàn toàn cảm thông với con người chúng ta và hội đủ mọi điều kiện để chết thay cho loài người.

Chúa Cứu Thế chịu đau khổ và chịu chết thay cho loài người.

Nhiều người có thể hỏi tại sao Chúa Cứu Thế là Đấng đầy tình thương và hoàn toàn vô tội nhưng Ngài phải chịu đau khổ và chết đau đớn như thế? Theo định luật công bình, kẻ phạm tội phải trả giá cho tội lỗi của mình. Lời Đức Chúa Trời cho biết án phạt của tội lỗi là sự chết:

“Tiền công của tội lỗi là sự chết”. (Rô 6:23) Chết là một thực trạng đau khổ, khủng khiếp mà mọi người không phân biệt màu da, chủng tộc, giàu nghèo, giai cấp, vương, hầu, khanh, tướng hay thứ dân đều phải đối diện. Chết ở đây không phải chỉ là hồn lìa khỏi xác, cái chết thể xác mà thôi, nhưng cả hồn lẫn xác đều sẽ chết đau khổ đời đời nơi hỏa ngục. Trong khi đó đại đa số nhân loại với lương tâm thành thật và nhậy bén đều công nhận như Lời Đức Chúa Trời đã xác định:

“Mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất vinh quang của Đức Chúa Trời.” (Rô 3:23) Như thế mọi người đều phải chịu hình phạt và sẽ chết. Đây là một thực trạng hiển nhiên đầy đau khổ khủng khiếp mà nhân loại từ ngàn xưa đến nay vẫn phải bó tay, cam chịu. Nhân loại đã nỗ lực tìm kiếm những phương thuốc trường sinh bất tử nhưng chưa tìm được; nhiều triết gia, giáo chủ đã nghĩ đến những giáo thuyết cao siêu, những cách tu thân, tích đức tốt đẹp

nhưng lịch sử cho thấy chính họ cũng không thoát khỏi cái chết đau đớn, rùng rợn. Loài người không đủ khả năng và không đạt được tiêu chuẩn đạo đức toàn hảo để tự giải thoát chính mình ra khỏi tội lỗi và cái chết đau khổ. Nhưng Đức Chúa Trời như người Cha nhân từ và yêu thương; Ngài không muốn loài người do Ngài tạo ra phải chết đời đời đau khổ nơi hỏa ngục.

“Vì Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại, đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, để ai tin nhận Đấng ấy sẽ không bị hư mất nhưng được sự sống vĩnh phúc.” (Giăng 3:16)

“Đức Chúa Trời đã tỏ tình yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là tội nhân thì Chúa Cứu Thế đã chết thay cho chúng ta.”

(Rô 5:8)

Chính Chúa Cứu Thế khi còn tại thế đã tuyên bố:

“Chẳng có tình yêu nào vĩ đại hơn là tình yêu của người chịu hy sinh tính mạng cho bạn hữu mình.” (Giăng 15:13)

Vì yêu thương loài người như anh chị em, Chúa Cứu Thế đã tình nguyện chịu khổ, chịu chết thay cho nhân loại: “Vì Con Người (Chúa Cứu Thế) đã đến không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ và hiến dâng mạng sống mình làm giá chuộc nhiều người.” (Mác 10:45)

Vốn là Đấng thánh thiện, toàn hảo và vô tội nên sự hy sinh của Chúa Giê-su có giá trị tuyệt đối và đầy đủ để đền tội cho toàn thể nhân loại. Thánh Giăng đã cho biết: “Chúng ta có một Đấng biện hộ với Đức Chúa Cha là

Chúa Cứu Thế Giê-su, Đấng công chính. Chính Ngài là lễ vật hy sinh chuộc tội lỗi chúng ta, không những tội lỗi chúng ta mà thôi, nhưng tội lỗi của cả thế gian nữa.” (1Giăng 2:1-2)

Cách mà Chúa Cứu Thế dùng để chiến thắng bệnh tật, đau khổ và sự chết là chính Ngài đã gánh lấy sự đau đớn, khổ nạn của con người và đem chúng xuống mồ mả với Ngài:

“Thật, chính người đã mang những bệnh tật của chúng ta, và gánh những đau khổ của chúng ta

Vết thương người mang để chúng ta được chữa lành.”

(I-sa 53:4-5)

Chúa Cứu Thế cũng chịu đủ mọi đau khổ và hy sinh tính mạng của mình để trong ngày tận thế Ngài có thể hoàn toàn hủy diệt mọi bệnh tật, đau yếu và sự chết. “Ngài sẽ lau sạch tất cả nước mắt nơi mắt họ, sẽ không còn chết chóc, tang chế hoặc khóc than hay đau khổ nữa, vì những việc trước đã qua rồi.” (Khải 21:4)

Cái chết của Chúa Cứu Thế cũng giải thoát những người tin cậy Ngài ra khỏi vòng nô lệ của sự sợ chết: “Như thế vì con cái dự phần vào huyết và thịt nên Ngài cũng dự phần như vậy, để khi chịu chết, Ngài có thể tiêu diệt kẻ thống trị sự chết là quỷ vương và giải phóng những người vì sợ chết phải làm nô lệ suốt đời.” (Hêb 2:14)

Điều vui mừng và vô cùng quan trọng cho nhân loại là Chúa Cứu Thế đã không chết luôn như tất cả những người

khác nhưng sau khi trả xong án phạt cho nhân loại, Chúa Cứu Thế đã sống lại để tuyên xưng công chính và ban sự sống vĩnh phúc cho những ai đặt niềm tin nơi Ngài.

### **Chân Lý Thứ Năm**

***Tin Chúa Giê-su làm Đấng cứu rỗi và Chủ Tể đời sống mình là giải pháp cứu khổ và giải thoát khỏi sự chết đời đời nơi hỏa ngục.***

Nhân loại từ xưa đến nay đều nghĩ rằng nếu con người cố gắng tu thân tích đức cho đến khi toàn hảo thì may ra mình sẽ được giải thoát khỏi mọi phiền não, đau khổ và cái chết khủng khiếp, rùng rợn đang chờ đón mọi người. Một số người khác đã lìa bỏ gia đình, lánh xa trần thế, đi lên núi tu hành hay đi khắp vùng chân trời, góc biển; vào các hang sâu, rừng thẳm để tìm cho được phương thuốc trường sinh bất tử. Nhưng thực tế cho thấy mọi nỗ lực của con người đều thất bại. Loài người vẫn phải chịu nhiều tai ương, bệnh tật, đau khổ và cuối cùng đành nhắm mắt xuôi tay trước cái chết hãi hùng. Mọi người đều phải chết vì mọi người đều đã phạm tội, ngoại trừ Con Trời, tức là Chúa Giê-su, Đấng toàn thiện, toàn mỹ và vô tội. Ngài đã đến thế gian làm người, chịu mọi nhục hình, đau khổ và

cuối cùng chịu chết thay cho tội lỗi nhân loại. Vì “ Đức Chúa Trời đã tỏ tình yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là tội nhân thì Chúa Cứu Thế đã chết thay cho chúng ta.” (Rô 5:8) Chúa Giê-su không chết vì đau yếu, bệnh tật hay già cả, Ngài đã bảo trước: “Không ai cướp nổi mạng sống Ta, nhưng chính Ta tự hiến dâng. Ta có quyền hy sinh tính mạng và có quyền lấy lại.” (Giăng 10:18) Chúa Giê-su chỉ chết để trả án phạt cho tội lỗi nhân loại, Ngài đã chịu mọi khổ hình và chết ba ngày nơi hầm mộ; sau khi trả xong tội lỗi cho nhân loại, Ngài đã sống lại để chứng tỏ rằng Ngài là Đấng hằng sống và có quyền ban sự sống vĩnh phúc cho những ai tin cậy Ngài. Sự phục sinh của Chúa Giê-su là một bằng chứng lịch sử xác thật, hùng hồn và vĩ đại nhất để chứng tỏ rằng Ngài là Đấng đang sống và có quyền thật sự để ban sự sống vĩnh phúc cho ai tin cậy Ngài. Tất cả các vĩ nhân và giáo chủ trên thế giới đều đã sinh ra, lớn lên, dạy dỗ nhân loại những điều thánh thiện, tốt đẹp và cao siêu nhưng họ đều bị khuất phục trước cái chết và đều đã qua đời. Chỉ có một mình Chúa Giê-su, Đấng Cứu Thế, Đấng duy nhất trong nhân loại đã chết và sống lại. Đây là bằng chứng xác thực và hùng hồn nhất để nhân loại biết rằng họ còn có hy vọng để được giải thoát ra khỏi cuộc đời đau khổ và sự chết đời đời nơi hỏa ngục.

Chúa Giê-su đã hy sinh mạng máu; huyết của Ngài đã đổ ra trên cây thập tự để xóa sạch tội lỗi cho những ai tin

cậy Ngài: “Vì đây là huyết Ta, huyết của giao ước đổ ra cho nhiều người được tha tội.”

(Mat 26:28) Cái giá mỗi người phải trả cho tội lỗi mình chính là mạng sống của mình, vì thế không có công đức nào toàn hảo và đầy đủ giá trị để đền tội cho chúng ta; chỉ có sinh mạng vô tội mới có giá trị đủ để đền cho mạng sống. Chúa Giê-su đã hy sinh mạng báu của mình để đền tội và cứu rỗi đời sống chúng ta. Sứ Đồ Phê-rô đã xác nhận điều này với một sĩ quan La Mã: “Tất cả các tiên tri của Chúa đều làm chứng về Ngài (Chúa Cứu Thế) rằng ai tin cậy Ngài đều được tha tội nhờ danh Ngài.” (Công Vụ 10:43) Vì chỉ có “trong Chúa Cứu Thế, chúng ta nhờ huyết Ngài được cứu chuộc, được tha thứ các tội phạm theo lượng ân sủng phong phú mà Đức Chúa Trời đã ban xuống tràn đầy trên chúng ta cùng với tất cả sự khôn ngoan và thông sáng.” (Êph 1:7-8)

Trên một phương diện khác sự chết của Chúa Giê-su là tiền chuộc mạng Ngài đã trả để giải thoát những người tin cậy Ngài ra khỏi án phạt đời đời nơi hỏa ngục. Người tin cậy nơi Chúa Cứu Thế cũng được giải thoát khỏi mặc cảm sợ hãi sự chết và sợ hãi hình phạt đời đời sau cái chết vào ngày tận thế.

Nhiều người nghĩ rằng tôn giáo là để cho phần hồn sau khi qua đời. Điều này cũng đúng một phần nào nhưng không đầy đủ, đặc biệt là đối với Đạo của Chúa Cứu Thế, Đạo Trời. Chúa Cứu Thế đã sống lại từ kẻ chết để ban

cho những người tin cậy Ngài sự sống vĩnh phúc, một đời sống mới bắt đầu ngay từ khi người đó cúi đầu cầu nguyện tiếp nhận Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế và Chủ Tể đời sống mình.

Quyền năng của sự sống phục sinh sẽ giúp giải thoát con người cũ khỏi sự tể trị của tội lỗi và sống một đời sống mới thánh thiện. Quyền năng phục sinh sẽ giúp con dân Chúa chiến thắng những thói hư tật xấu của con người tội lỗi cũ, để cải tiến, xây dựng một đời sống mới phong phú và sung mãn. Huyết của Chúa Cứu Thế đã giải thoát chúng ta ra khỏi đời sống cũ trống rỗng, không giá trị vĩnh cửu, thiếu lý tưởng cao cả và không mục đích thiện lành. Sự phục sinh của Chúa Cứu Thế đã mở cánh cửa hy vọng cho nhân loại, đã đem lại sự sống mới, bình an, công chính, vĩnh cửu và phước hạnh. Phúc Âm của Chúa Cứu Thế đã và đang giải thoát hàng ngàn, hàng vạn người thoát khỏi vòng nô lệ của cờ bạc, rượu chè, ma túy, dâm dục và vô số những tội lỗi khác đang chế ngự nhiều người. Trong lịch sử của Đạo Chúa, biết bao nhiêu người tội lỗi, gian ác đã tin cậy vào sự hy sinh của Chúa Cứu Thế nên được ân xá và biến đổi thành những thánh nhân giàu tình yêu thương, đầy lòng bác ái.

Chúa của sự sống đang ở trong lòng của những người tin cậy Ngài; quyền năng phục sinh và siêu nhiên của Chúa Cứu Thế sẽ giúp con dân Ngài đánh bại mọi quyền lực tối

tâm của ma quỷ hay thần linh của thế gian mờ tối này. Sứ Đồ Giảng đã xác quyết điều này:

“Hỡi các con bé nhỏ, các con thuộc về Đức Chúa Trời và đã chiến thắng chúng nó, vì Đấng ở trong các con vĩ đại hơn kẻ ở trong thế gian.” (1Giăng 4:4)

Chúa Cứu Thế đã chết thay cho tội lỗi của nhân loại và Ngài cũng đã sống lại để chứng tỏ cho thế giới biết rằng Ngài là Đấng nắm quyền sự chết và sự sống. Ngài chính là quan án tối cao và tối hậu của nhân loại; Ngài đã tuyên xưng công chính những ai tin cậy Ngài: “Ngài bị nộp cho chết vì tội lỗi chúng ta và được làm cho sống lại để chúng ta được xưng công chính.” (Rô 4:25)

Chúa Cứu Thế cũng giải thoát họ ra khỏi sự phán xét cuối cùng:

“Vậy, bây giờ không còn sự đoán phạt đối với những người ở trong Chúa Cứu Thế Giê-su.” (Rô 8:1)

Sự phục sinh của Chúa Cứu Thế là bằng chứng chân xác và hùng hồn chứng tỏ rằng Ngài đã đánh bại sự chết và đang sống để đón nhận những con dân của Chúa vào nước Trời vĩnh phúc khi họ qua đời.

“Vì thế chúng ta luôn luôn tin tưởng và biết rằng khi nào còn sống trong nhà của thân xác thì chúng ta xa cách Chúa. Chúng ta tin tưởng và mong ước rời khỏi thân xác để về nhà với Chúa thì tốt hơn.” (2Côr 5:6,8)

Tất cả những ai, không phân biệt màu da, chủng tộc, học vấn, giàu nghèo, vương giả hay thứ dân, người nào tin

cậy Chúa Giê-su làm Chúa Cứu Thế và Chủ Tể đời sống mình thì người đó sẽ được sự sống vĩnh phúc:

“Vì Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại, đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, để ai tin nhận Đấng ấy sẽ không bị hư mất nhưng được sự sống vĩnh phúc.” (Giăng 3:16)

Chính Chúa Cứu Thế đã minh xác chân lý cứu rỗi này:

“Thật vậy, Ta bảo các người, ai nghe theo lời Ta mà tin Đấng đã sai Ta sẽ được sự sống vĩnh phúc, và khỏi phải bị đoán phạt, nhưng vượt khỏi sự chết để đến sự sống.” (Giăng 5:24)

Tạ ơn Trời, Ngài là Đấng giàu lòng yêu thương, đầy tình nhân ái; Ngài đã giáng thế làm người, chịu mọi đau khổ, hy sinh chịu chết thay cho tội lỗi nhân loại. Chúa Cứu Thế cũng đã sống lại để tha thứ tội lỗi, để tuyên xưng công chính và ban cho những ai tin cậy Ngài sự sống vĩnh phúc.

Thưa đồng bào thân mến, đa số người Việt chúng ta đều công nhận Ông Trời chính là Đấng Tạo Hóa sinh ra muôn loài vạn vật trong đó có con người chúng ta. Trời cũng có một chương trình cứu rỗi cho nhân loại đang đau khổ, lầm than. Chương trình đó chính là Tin Lành, Tin Mừng hay Phúc Âm cứu khổ mà chúng tôi hân hạnh giới thiệu cùng đồng bào.

**Phúc Âm cứu khổ gồm có năm chân lý như sau:**

- 1. Chúa Giê-su, cũng được gọi là Chúa Cứu Thế, chính là Ông Trời vì yêu thương nhân loại đã giáng thế làm người để giải cứu con người ra khỏi cuộc đời đau khổ và sự chết đời đời nơi hỏa ngục.*
- 2. Đời sống con người đầy những đau khổ.*
- 3. Tội lỗi chính là nguyên nhân gây ra mọi đau khổ trên thế gian.*
- 4. Chúa Cứu Thế đã đến thế gian chịu khổ, chịu chết để giải cứu nhân loại thoát khỏi đau khổ và sự chết đời đời.*
- 5. Tin Chúa Giê-su làm Đấng Cứu Rỗi và Chủ Tể đời sống mình là giải pháp cứu khổ và giải thoát khỏi sự chết đời đời nơi hỏa ngục.*

Kính mời quý đồng bào hãy tiếp nhận Chúa Giê-su làm Đấng Cứu Thế và Chủ Tể đời sống mình ngay hôm nay.

Quý vị sẽ được tha thứ hết mọi tội lỗi, sẽ nhận được sự sống vĩnh phúc và trở thành con dân yêu dấu của Đức Chúa Trời.

**Quý vị có thể cầu nguyện với Chúa đại ý như sau:**

*“Kính lạy Chúa, con biết rằng con là người có tội. Con tin rằng Chúa Cứu Thế chính là Ông Trời đã giáng thế làm người và hy sinh chịu chết thay cho tội lỗi của con. Sau ba ngày Chúa Cứu Thế đã sống lại và hiện đang sống.*

*Xin Chúa tha thứ tội lỗi cho con và ban cho con sự sống vĩnh phúc.*

*Xin Chúa ngự vào lòng con và làm chủ suốt đời con.*

*Xin Chúa nhận con làm con dân của Nước Thiên Đàng của Ngài.*

*Con hết lòng cảm ơn Chúa!*

*Con xin cầu nguyện nhân danh Chúa Cứu Thế Giê-su.*

*A-men.”*

## **Phục Sinh Vĩnh Phúc hay Nghiệp Báo Luân Hồi**

Đại đa số người Việt chúng ta tin vào sự hiện hữu của linh hồn sau khi qua đời, vì thế ngay từ thời cổ trước khi các tôn giáo từ Ấn Độ và Trung Hoa vào Việt Nam, tổ tiên người Việt chúng ta đã có tục thờ cúng tổ tiên, ông bà; tục lệ này vẫn còn cho đến ngày nay. Tuy nhiên một số tôn giáo tại A Châu lại tin rằng sau khi chết con người sẽ đầu thai vào kiếp khác ngoại trừ người đạt được sự giải thoát. Trong khi đó Cơ Đốc Giáo theo Thánh Kinh tin rằng sau khi chết con người sẽ sống lại vào ngày phán xét để chịu xét xử và sẽ được lên thiên đàng hay xuống hỏa ngục đời đời. Như thế vấn đề chúng ta sẽ khảo sát để đi đến một sự chọn lựa quan trọng là con người sẽ sống lại để sống vĩnh phúc hay đầu thai kiếp khác. Nếu thuyết nghiệp báo luân hồi là đúng thì sẽ không có sự sống lại sau khi chết và nếu sự phục sinh đã thật sự xảy ra và sẽ xảy ra cho mọi người thì thuyết luân hồi không thể đúng.

### **I. Thuyết Nghiệp Báo Luân Hồi.**

A. Thuyết Luân Hồi Nghiệp Báo theo một số tác giả Phật học.

The sách Đức Phật và Phật Pháp của đại đức Narada Thera, luân hồi được giải thích như sau: “Có sự tái sinh ở chỗ này tức nhiên phải có một chúng sanh chết ở một nơi nào khác. Nói một cách chính xác, cái sanh của một chúng sanh hay là sự phát sanh của ngũ uẩn, hay là những hiện tượng tâm vật lý trong kiếp hiện tại, chuyển tiếp liền theo cái chết của một chúng sanh vừa qua đời,” (tr. 368). Tác giả Đức Phật và Phật Pháp cũng trích dẫn sách Atthasalīnī định nghĩa danh từ Samsāra như sau:

‘ Samsāra, luân hồi, là sự tiếp diễn không ngừng của ngũ uẩn, tứ đại và lục căn.’ (tr. 369). Ngũ uẩn là năm nhóm yếu tố (skandhas) gồm có: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tứ đại là bốn nguyên tố vật chất (thường hay nói nôm na là đất, nước, lửa, gió). Lục căn là năm giác quan, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, cộng với “ý”. Tự điển Bách Khoa Britannica giải thích luân hồi như sau: “Luân hồi cũng được gọi là chuyển sinh trong tôn giáo và triết học, là sự tái sinh của linh hồn trong một hay nhiều cuộc sống liên tục, cuộc sống này có thể là người, thú vật và trong một vài trường hợp là thảo mộc. Các tôn giáo lớn chủ trương thuyết này thường là các tôn giáo ở Á Châu, đặc biệt là Ấn Độ giáo, Jainism, Phật giáo và Sikhism. tất cả các tôn giáo này cũng tin vào các giáo thuyết thông thường như nghiệp, thuyết nhân quả, tức là một người làm việc gì

trong thời hiện tại sẽ chịu hậu quả trong đời kế tiếp. Theo Ấn Độ giáo cái vòng sinh và tái sinh hay chuyển sinh là vô tận cho đến khi người ta đạt được moksha hay cứu rỗi bằng cách nhận thức được chân lý giải thoát để linh hồn cá nhân(atman) và đại hồn (Brahman) là một. Như thế người ta thoát khỏi bánh xe luân hồi.

Mặc dù Phật giáo phủ nhận sự hiện hữu của một linh hồn bất biến, thực thể; Phật giáo tin vào thuyết chuyển sinh của nghiệp. Một hiện tượng phức tạp tâm-vật lý của những yếu tố và trạng thức thay đổi từ刹那. Khi linh hồn với ngũ uẩn-sắc, thọ, tưởng, hành, thức ngừng hiện hữu, thì nghiệp của người chết vẫn còn và trở nên một vijnāna (mâm của thức) trong lòng người mẹ. Mâm của thức này là phần còn lại của hồn tái sinh nơi một cá thể mới.” (Q. 9;tr. 1009)

“Nghiệp, Kamma theo sát văn từ, có nghĩa là hành động hay việc làm. Định nghĩa cùng tột của Nghiệp là Tác Ý(Cetana). Tư tưởng, lời nói, việc làm, thường do ý muốn làm động cơ khởi xuất. Phật giáo gọi ý muốn hay ý chí ấy là Tác Ý.”(ĐPvà PP.tr.316)

“Đại đức Buddhaghosa dạy rằng khi những thành phần vật chất phối hợp lại cấu thành cái gọi là cây, một ngày nào và ở một điểm nào, và trở ra trái, thì ta nói cây sinh trái hay cây trở trái. Cũng dường thế ấy năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) phối hợp lại cấu thành cái gọi là trời hay người và một ngày nào, quả lành hay quả dữ trở sanh

thì ta nói rằng vị trời hay người ấy có phước hay vô phước.” (ĐP và PP.tr. 326). “ Theo Phật giáo, chúng ta sanh ra từ cái bào thai hành động (Kammayoni). Chính hành động hay nghiệp của ta trong quá khứ là cái bào thai nuôi dưỡng và tạo điều kiện để ta tái sanh. Cha mẹ cấu hợp nền tảng vật chất.” (Sđd. tr. 367) Đại Lão Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Dhammananda trong Đạo Phật và Đời Sống Hiện Đại viết: “Đấng Thượng Đế phật kể có hành động xấu, thưởng kẻ có hành động tốt, Đức Phật không chấp nhận niềm tin như vậy... Chính nghiệp tự nó phát xuất ra kết quả như một tác động trung lập của luật nhân quả.” (tr. 47). Đại Đức Nerada Thera cũng có cùng một quan niệm tương tự “Trong toàn bộ Tam tạng, tuyệt đối không có đoạn nào đề cập đến sự hiện hữu của một tạo hóa. Nhiều lần Đức phật phủ nhận một linh hồn trường cửu. Ngài tuyệt nhiên không chấp nhận có một đấng Tạo Hóa, bất luận dưới hình thức một năng lực hay một chúng sinh.” (ĐP. và PP.tr. 370)

B. Những nan đề trong thuyết Luân Hồi Nghiệp Báo.

Khi phân tích kỹ, thuyết luân hồi nghiệp báo có rất nhiều giả định và nan đề không giải thích được. Chính Đức Phật Thích Ca cũng không biết rõ nguồn gốc của luân hồi: “Hồi các đệ tử, bước đầu của cuộc hành trình xa xôi này thật không thể quan niệm được. Chúng sanh bị bao trùm kín mít trong lớp vô minh, bị dây ái dục trói

buộc chắc chắn, không thể khám phá được khởi điểm của cuộc luân chuyển triền miên, cuộc hành trình vô định.” (ĐP và PP. tr. 359). Phật giáo tin vào thuyết ‘vô ngã’ tức là không có cái gọi là ‘tôi’ hay ‘linh hồn’ trường cửu, thế thì cái gì tái sinh và luân hồi kiếp khác? đây là một mâu thuẫn và một nan đề mà nhiều học giả cho rằng Phật giáo không có câu giải đáp. Nếu không có linh hồn hay cái ‘tôi’ nhưng chỉ có ngũ uẩn phi nhân cách, luân lưu cấu hợp lại để tái sinh, đầu thai kiếp khác thì con người mới được sinh ra đâu phải là cái ‘tôi’ cũ để mà phải trả cái nghiệp của con người kiếp trước! Phật giáo phủ nhận cái ‘tôi’ hay linh hồn trường cửu nơi con người nhưng lại dạy rằng vì nghiệp báo kiếp trước con người kiếp này phải trả cái quả của kiếp trước là điều mâu thuẫn. Ngoài ra nếu không có cái ‘tôi’ hay linh hồn trường cửu thì con người của kiếp này phải mang quả báo cho con người nào đó hay cái gì đó của kiếp trước là một điều bất công và vô đoán. Cách giải thích của Đại Đức Buddhaghosa về sự tạo lập thực vật và động vật như đã trích dẫn mang đầy tính chất giả định và không được chứng nghiệm trong lịch sử nhân loại.

Đại Đức Narada Thera lẫn Hòa Thượng Dhammananda đều phủ nhận một Đấng Tạo Hóa hay Đức Chúa Trời toàn tri, toàn năng đã tạo ra vũ trụ vạn vật và chấp nhận sự giả định rằng: “Bốn loại hiện tượng tâm lý hợp với một hiện tượng vật chất tạo nên ngũ uẩn... mỗi cá

nhân là sự phối hợp của năm uẩn ấy.” (ĐP vàPP.tr.432). Ngày nay không ai với trí óc và sự hiểu biết bình thường nghĩ rằng nếu ta để “đất, nước, lửa, gió và ý” với nhau trong vài triệu năm nó sẽ thành cái bàn, cái ghế hay cái xe. Với khoa sinh hóa hiện đại người ta thấy các hoạt động của một tế bào thôi cũng đã quá phức tạp. Vì trong một tế bào bé nhỏ đã có các bộ máy sản xuất, vận chuyển, chọn lọc, phế thải tinh vi, phức tạp để duy trì và bảo tồn sự sống. Những bộ máy này quá tinh tế và phức tạp trong một tế bào bé nhỏ và hoạt động đồng thời, cho nên nói rằng chúng tự nhiên mà có là một điều khó chấp nhận. Còn nói rằng vì tình cờ mà những bộ máy này xảy ra thì vô lý. Cái bàn, cái ghế hay cái xe sử dĩ hiện hữu là do con người với trí óc thông minh tạo ra. Như vậy một vũ trụ và con người thông minh do một Đức Chúa Trời thông minh siêu việt tạo nên vẫn có lý và dễ tin hơn là sự giả định rằng ngũ uẩn tự phối hợp mà thành cây cỏ hay con người. Ngoài ra từ bao ngàn năm nay chưa ai thấy sinh vật tự nhiên do các thành phần vật chất và tâm lý cấu hợp mà thành, trái lại con người có cha mẹ , tổ tiên sinh ra; cây sinh cây, vật sinh vật...

Những người tin vào thuyết luân hồi cũng tin rằng tùy theo nghiệp của kiếp trước mà sinh ra người, thú vật, quỷ của kiếp sau để báo trả cho kiếp trước (thuyết nhân quả). Như vậy một chúng sinh được sinh ra là để trả cho việc làm của kiếp trước theo luật nhân quả. Thế thì, con người

của kiếp đầu tiên được sinh ra là để trả cho cái gì và cho kiếp nào? Người Phật giáo và Ấn Độ giáo không có câu trả lời!

Những người tin vào thuyết luân hồi thường nêu lên một số trường hợp của những người sinh ra ở một nơi xa lạ nhưng biết và nhớ rõ chi tiết đời sống hay nơi ở của người thân mình kiếp trước ở một nơi khác. Đây là vấn đề giả định cho rằng nếu biết quá khứ về người và vật thì đương nhiên là người ấy phải sống ở đó trong kiếp đó. Nhưng đây chỉ là một giả định có thể có, chứ không nhất thiết là nó phải luôn luôn như thế. Ngoài ra nếu chúng ta chứng minh rằng có sự hiểu biết về quá khứ nhưng không thể ở trong trường hợp luân hồi được, thì sự hiểu biết về quá khứ không phải là bằng chứng cho thuyết luân hồi chuyển kiếp.

Tác giả Norma Lee Browning trong tác phẩm nhan đề ‘The Psychic World of Peter Hurkos’ trưng dẫn trường hợp của ông Hurkos sinh năm 1911, làm nghề thợ sơn vào Đệ Nhị Thế Chiến. Ông Hurkos bị té và bị thương ở đầu. Đang khi dưỡng bệnh tại bệnh viện Zuidwal ở The Hague, một sự hiểu biết lạ lùng đến với ông. Ông viết trong tập tự truyện: “Sau khi y tá rời phòng tôi nhận thấy một bệnh nhân khác nằm kế giường tôi. Tôi chưa bao giờ thấy ông này nhưng bỗng nhiên tôi biết rất nhiều về ông này dù chúng tôi chưa hề nói với nhau một lời nào. Tôi buộc miệng nói: ‘ Ông là một người xấu.’ Ông ta nhìn tôi, sững

sốt, không biết nên bực mình hay ngạc nhiên về việc buồn cười này. Ông ta hỏi tôi, tại sao vậy? Vì khi ba anh mất, ông ấy để lại cho anh một cái đồng hồ vàng lớn; ông ta mới chết đây mà anh đã bán cái đồng hồ đó rồi. Người nằm bên kia giường kinh ngạc, cứng họng. Ông ta hỏi, sao anh biết được việc này? Tôi cũng kinh ngạc như ông ta. Tôi chỉ biết việc này trong đầu.” Ông Hurkos biết về quá khứ các sự vật và người chính xác đến trên 87%, tức là cũng bằng sự hiểu biết trong những trường hợp những người tin vào thuyết luân hồi nêu lên và cho rằng chỉ có người sống kiếp trước mới biết rõ như thế. Ông Hurkos biết rõ chi tiết vụ đánh cắp ngọc Stone of Scone tại điện Westminster Abbey với cảnh trí chỗ bị ăn cắp, đường tẩu thoát, tên đường được đánh vẫn đúng y, chỗ cất ngọc, động cơ ăn cắp và cả vài chi tiết cá nhân của kẻ cắp. Sự hiểu biết về quá khứ này rất giống như những sự hiểu biết mà những người tin rằng họ sống ở kiếp trước nên biết được. Nhưng điểm khác biệt lớn lao nhất là những người, vật, nơi chỗ ông Hurkos biết đó hiện diện sau khi ông sinh ra đời. Ông Hurkos còn biết rõ nhiều chi tiết cá nhân, riêng tư của hai người sống đồng thời với nhau nhưng sống ở hai nơi khác nhau. Như thế không thể nói rằng ông Hurkos biết được những điều trong quá khứ kia là nhờ kiếp trước của mình vì ông sống đồng thời với hai người kia. Ngày nay những cuộc nghiên cứu về siêu linh cho thấy một số người có sự hiểu biết về người, vật trong quá

khứ xa xưa, quá khứ gần, hiện tại và tương lai nhưng không thể là sự hiểu biết của kiếp trước cho nên sự hiểu biết về quá khứ không thể là bằng chứng của kiếp trước.

Để giải thích một số trường hợp hiểu biết quá khứ người ta có các cách giải thích sau đây:

1. Mất ký ức (Cryptomnesia).

Một người có thể biết về một người khác nhưng sau đó quên mất nguồn gốc của sự hiểu biết ấy và dần dần theo thời gian đồng hóa mình với nhân vật đã qua đời và tự nhận mình là người đó.

2. Trí nhớ di truyền (Genetic memory).

Giả thuyết này cho rằng theo di truyền nhiều thế hệ, trí nhớ có thể truyền lại như sự di truyền trực giác nơi loài chim, cá, biết tìm về nguồn nơi chúng được sinh ra.

3. Siêu linh cảm (Extrasensory Perception).

Một số người có khả năng siêu linh (Psychic) có thể biết được một số sự vật, người ở xa trong quá khứ hay tương lai.

4. Bị hồn người chết ám.

Ngày nay có nhiều trường hợp được ghi nhận rõ ràng rằng linh hồn người mới qua đời nhập vào, chế ngự một người khác. Người bị ám ăn nói, hành động như người đã qua đời. Điều này đã xảy ra cho người lớn lẫn trẻ em. Nhiều trường hợp linh ám chỉ trong một thời gian ngắn;

cũng có trường hợp kéo dài nhiều năm. Từ những trường hợp trên người ta cho rằng linh hồn của một người chết cũng có thể nhập vào bào thai và chế ngự bào thai đó cho đến khi sinh ra, lớn lên như một người. Đây là lý do giải thích tại sao một vài em bé đã biết nhiều về một người khác trong quá khứ hay biết nói tiếng ngoại quốc.

#### 5. Quỷ ám.

Đối với những người tin nơi thế giới siêu nhiên với những tà linh, ma quỷ, thiên sứ v.v. thì việc tà linh ám hay quỷ ám là việc thường tình đã xảy ra từ cổ chí kim trên khắp thế giới. Những quỷ này thường ở dưới quyền quỷ vương tức là Sa-tan, có thể có sự hiểu biết siêu nhiên, lớn lao về quá khứ.

Như thế chúng ta thấy rằng sự hiểu biết về quá khứ không phải là một bằng chứng cụ thể của kiếp trước.

Nếu thuyết luân hồi nghiệp báo không có bằng chứng cụ thể, chúng ta có thể tìm hiểu về sự phục sinh mà Thánh Kinh dạy.

## II. Phục Sinh Vĩnh Phúc.

Thánh Kinh cho chúng ta biết con người sau khi qua đời sẽ sống lại trong ngày phán xét (Hê-bơ-rơ 9:27); như thế con người sẽ sống lại chứ không phải đầu thai kiếp khác. Điều này không những được Thánh Kinh dạy nhưng cũng là một sự kiện lịch sử với đầy đủ bằng chứng

xác thực và đáng tin cậy nhất qua cuộc đời và sự phục sinh của Chúa Cứu Thế Giê-su.

A. Chúa Cứu Thế Giê-su là một nhân vật lịch sử có thật.

Chúa Cứu Thế Giê-su là một nhân vật bằng xương, bằng thịt, sống trên thế giới trong một thời điểm lịch sử nhân loại. Sự thật lịch sử của Chúa Giê-su đã được những nhân chứng tai nghe, mắt thấy như Ma-thi-ơ, Giăng, Phê-rô v.v. ghi lại. Ngày nay người ta có thể thăm các di tích lịch sử nơi Chúa Giê-su sinh ra đời, sống, chết và sống lại. Hàng ngàn di tích khảo cổ xác nhận sự hiện diện của Chúa Giê-su như một nhân vật lịch sử. Ngoài ra người ta cũng tìm thấy nhiều tài liệu lịch sử của những sử gia cổ thuần túy ngoại đạo nói đến Chúa Cứu Thế và những tín hữu theo Ngài như sử gia La Mã Cornelius Tacitus (A.D. 52-54), sử gia Do Thái Flavius Josephus (A.D. 37), Lucian of Samosata (Thế kỷ II), một nhà văn châm biếm, Suetonius (A.D. 120), Plinius Secundus, thống đốc Bithynia, Tiểu Á (A.D. 112). Đại tự điển Bách Khoa Anh Quốc kết luận về các bằng chứng độc lập xác nhận sự kiện lịch sử của Chúa Giê-su:

“ Những sự kiện độc lập này chứng tỏ rằng vào thời cổ, ngay cả những kẻ thù của Cơ Đốc giáo cũng không bao giờ nghi ngờ sự kiện lịch sử của Chúa Giê-su. Chỉ có một vài tác giả vào cuối thế kỷ 18, 19 và đầu thế kỷ 20 bắt

đầu nghi ngờ sự kiện lịch sử về Đức Giê-su dù không có đủ bằng chứng. (Q.3, tr. 145)

B. Sự Phục Sinh hay sống lại của Chúa Giê-su sau khi chết là một sự kiện lịch sử xác thật, không phải chỉ là một lý thuyết mơ hồ hay huyền thoại.

Ngày nay khoa khảo cổ học đã tìm thấy rất nhiều di tích lịch sử về địa điểm, đời sống, sự chết và nhất là ngôi mộ trống, một bằng chứng lịch sử về sự sống lại của Chúa Giê-su. Một bằng chứng khác là lễ Phục Sinh của Cơ Đốc giáo. Trong các tôn giáo trên thế giới không có tôn giáo nào cử hành lễ kỷ niệm sự phục sinh hay sống lại của giáo chủ của họ, chỉ có Cơ Đốc giáo có thể kỷ niệm sự sống lại của Chúa Cứu Thế Giê-su.

Bằng chứng quan trọng và hùng hồn nhất trong bất cứ trường hợp nào đều là nhân chứng sống, những người đã thấy tận mắt, nghe tận tai tiếng nói của Chúa Giê-su. Sự kiện Chúa Giê-su đã chết rồi sống lại không phải là một điều do chỉ vài người cuồng tín, cực đoan hay mê tín dị đoan nêu lên nhưng là một sự kiện có thật được nhiều người khác nhau chứng kiến. Một số trong những người chứng kiến Chúa Giê-su sống lại chính là những người đã thấy Ngài chết và tự tay họ tắm liệm và chôn cất Ngài. Sau khi sống lại Chúa Giê-su đã hiện ra cho nhiều người khác nhau ở những nơi khác nhau và trong nhiều hoàn cảnh khác nhau thấy. Trước hết Chúa Giê-su hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len; Ngài cũng hiện ra cho hai nữ môn đệ từ

mộ trở về; Ngài hiện ra cho Phê-rơ; Ngài hiện ra và đi cùng hai môn đệ về Em-mau. Chúa Giê-su hiện ra cho các môn đệ đang hội họp ngoại trừ Tho-ma, một môn đệ không chịu tin Ngài đã sống lại cho đến khi thấy dấu đinh và vết giáo đâm nơi hông Ngài. Sau đó Chúa hiện ra với bảy môn đồ tại hồ Ti-bê-ri-át, cho cá nhân Gia-cơ, Pha-olô, Sê-tiên và Giăng. Một biến cố hi hữu nhất là Ngài hiện ra cho hơn năm trăm môn đệ cùng thấy.

Khi xét về sự đáng tin cậy của những bằng chứng lịch sử cũng như nhân chứng trước tòa, sử gia Thomas Arnold, giáo sư sử học tại viện đại học Oxford viết: “Bằng chứng về cuộc đời của Chúa, sự chết và sự sống lại của Ngài có thể và thường được kể là đầy đủ; theo các luật lệ thông thường thì bằng chứng này được kể là bằng chứng tốt. Hàng ngàn, hàng vạn người đã xét các sự kiện này từng li từng tí như một vị thẩm phán xét một vụ án rất quan trọng. Tôi đã xem xét các bằng chứng này nhiều lần, không phải để thuyết phục người khác nhưng để thỏa mãn chính tôi. Tôi đã nhiều năm nghiên cứu lịch sử các thời đại và suy xét những bằng chứng của những người ghi chép chúng và tôi biết không có một sự kiện lịch sử nào của nhân loại chứng tỏ đầy đủ và tốt hơn trong bất cứ trường hợp nào để một người nghiên cứu khách quan hiểu được hơn là dấu hiệu vĩ đại mà Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta: Đó là Chúa Cứu Thế đã chết và sống lại từ cõi chết.” Xét về bằng chứng trước tòa, ông Frank

Morison dự định nghiên cứu và viết một cuốn sách bài bác sự phục sinh của Chúa Giê-su. Sau nhiều năm nghiên cứu mọi sự kiện về cuộc đời, sự sống lại của Chúa Cứu Thế, ông đổi ý và viết tác phẩm “Ai Đã Lăn Tảng Đá” để xác nhận sự phục sinh của Chúa

Giê-su. Một luật sư khác, Sir Edward Clark tuyên bố: “ Là một luật sư tôi đã nghiên cứu rất lâu các bằng chứng của ngày phục sinh. Đối với tôi, các bằng chứng thật xác thực. Nhiều lần tòa án tối cao đã kết án với những bằng chứng kém xác thật hơn nhiều. Kết luận do bằng chứng và nhân chứng thành thực đem lại thì không cần đóng kịch và dùng các nỗ lực đáng khinh; bằng chứng của sự phục sinh từ các Phúc Âm thuộc về loại đó. Trên cương vị của một luật sư, tôi hoàn toàn chấp nhận những bằng chứng này không chút do dự như những bằng chứng của những người chân thật nói lên những sự kiện mà họ có thể chứng minh được.”

Có lẽ quý vị đã một vài lần nghe những giả thuyết bài bác sự sống lại của Chúa Giê-su, tuy nhiên không có giả thuyết nào hợp lý và đứng vững trước những sự kiện chân thật.

#### 1. Chúa Giê-su không chết nhưng chỉ bất tỉnh.

Người ta cho rằng Chúa Giê-su chỉ bất tỉnh vì các vết thương nhưng khi ở trong mộ lạnh nên tỉnh dậy và ra khỏi mộ. Thuyết này không đứng vững vì nhiều bằng chứng :

a. Viên đội trưởng La Mã là một sĩ quan chuyên nghiệp, kinh nghiệm, khó có thể làm một người bất tỉnh với một tử tội đã chết thật. Ngoài ra còn có Giô-sép và Ni-cô-đem, những người liệm và ướp xác Chúa Giê-su, không lẽ tất cả đều làm cả.

b. Một người đã bị đánh đập hành hạ, bị đóng đinh trên cây thập tự, bị đâm xuyên hông rồi sau đó được bó lại bằng hương liệu và vải thì dù chỉ có bị thương và tỉnh lại cũng sẽ chết trong hầm mộ. Làm sao một người bị thương như thế có thể tháo vải liệm, đẩy tảng đá chặn cửa mộ và đi bộ mấy cây số vào thành phố.

c. Một người bị thương nặng như thế làm sao ra khỏi mộ một cách an toàn và bí ẩn trong khi toán cảnh vệ đang canh gác mộ.

d. Các môn đệ của Chúa Giê-su không bao giờ tuyên bố và dạy rằng Chúa Giê-su chỉ bất tỉnh và tỉnh lại. Họ luôn luôn tuyên bố và dạy rằng Chúa Giê-su sống lại từ cõi chết. Chính Chúa Giê-su cũng không bao giờ dạy các môn đệ rằng Ngài chỉ ngất đi và tỉnh lại. Ngài tuyên bố rõ ràng Ngài sống lại sau khi chết.

## 2. Các môn đệ đánh cắp xác Chúa.

Thuyết này cho rằng các môn đệ đánh cắp xác Chúa, dời đi ra khỏi mộ, đem giấu đi rồi sau đó tuyên bố rằng Ngài sống lại. Thuyết này không hợp lý ở nhiều điểm:

a. Các môn đệ đều bỏ chạy và sợ hãi khi Chúa Giê-su bị bắt và bị giết.

b. Toán lính canh và dấu ấn niêm mộ của chính quyền.

Làm thế nào một nhóm người sợ hãi, bỏ chạy lại dám đến mộ để lấy xác ngay trước mặt toán lính canh.

c. Nếu các môn đệ ăn cắp xác Chúa khi lính canh đang ngủ thì làm thế nào lính canh biết được những kẻ ăn cắp xác chính là môn đệ Chúa? Có thể người Do Thái, lính La Mã cũng có thể làm việc đó.

d. Giả thử rằng các môn đệ là những người ăn cắp xác Chúa rồi sau đó truyền giảng rằng Chúa đã sống lại thì họ là những kẻ giả dối, lường gạt nhất thế gian. Đời sống thánh thiện và sự dạy dỗ đạo đức của các sứ đồ không cho phép một người khách quan bình thường nói như thế. Ngoài ra không ai dại gì chết cho một điều láo khoét; đa số các sứ đồ của Chúa Giê-su bị tử đạo vì họ tuyên bố và dạy rằng Chúa Giê-su đã sống lại.

e. Nếu các lính La Mã hay người Do Thái đánh cắp xác Chúa Giê-su thì họ chỉ việc đem xác đó ra để bịt miệng các sứ đồ khi họ rao giảng rằng Chúa Giê-su đã sống lại; cần gì phải dùng đến bạo lực để chặn đứng sự giảng dạy này.

3. Thuyết ảo tưởng.

Tất cả những sự hiện ra của Chúa Giê-su sau khi Ngài chết đều là ảo tưởng mà các môn đệ thấy, không phải Ngài sống lại thật.

Thuyết ảo tưởng không đứng vững vì nhiều lý do:

a. Ảo tưởng thường xảy ra cho cá nhân và thường ở cùng các hoàn cảnh tâm lý tương tự. Không thể cùng một lần mười một người hay năm trăm người cùng thấy một ảo tưởng.

b. Ảo tưởng thường xảy ra trong bối cảnh dễ gợi lại cảm xúc đã kinh nghiệm. Chúa Giê-su hiện ra cho nhiều môn đệ khác nhau, ở những hoàn cảnh khác nhau, địa điểm khác nhau, thời gian khác nhau.

c. Ảo tưởng thường chỉ xảy ra trong một thời gian rất ngắn. Các môn đệ gặp Chúa Giê-su, trò chuyện, ăn uống. Ngài hiện ra và dạy dỗ các môn đệ đến bốn mươi ngày. Những người thấy Chúa Giê-su sống lại đều là những người bình thường về tâm lý, khách quan, sáng suốt và thận trọng.

4. Thuyết lầm mộ. Một số người cho rằng có thể các phụ nữ đến thăm lầm một ngôi mộ trống. Giả thuyết này không hợp lý vì:

a. Có nhiều người khác nhau đến thăm mộ. Nếu các phụ nữ lầm thì đã có những người khác nhớ đúng mộ.

b. Ông Giô-sép người A-ri-ma-thê không thể lầm được vì ông là chủ ngôi mộ.

C. Sự Phục Sinh của Chúa Cứu Thế là hy vọng vinh quang vĩnh phúc cho nhân loại.

Nếu sự sống lại của Chúa Cứu Thế là một sự thật lịch sử thì đây cũng là một bằng chứng cho thấy thuyết luân hồi nghiệp báo không thể đúng được. Vì Chúa Giê-su là một người; Ngài đã chết và Ngài không đầu thai kiếp khác nhưng Ngài đã sống lại. Sự chiến thắng cái chết của Chúa Cứu Thế Giê-su là niềm hy vọng lớn lao cho nhân loại, đặc biệt là cho những người đặt niềm tin nơi Chúa Cứu Thế.

Thánh Kinh dạy rõ con người sẽ sống lại vào ngày phán xét; người tội lỗi sẽ phải chịu phán xét và hình phạt đời đời; người công chính sẽ được hưởng sự sống phúc hạnh đời đời. (Ê-sai 26:19; Dan 12:2) Chính Chúa Giê-su khi còn tại thế cũng dạy rõ: con người sẽ sống lại vào ngày sau cùng, một số sẽ được sống đời đời, một số khác sẽ bị hình phạt đời đời. Giăng 5:28,29; 11:25-26 Phao-lô trong Thánh Kinh Tân Ước cũng cho biết nhiều chi tiết về sự sống lại của loài người, thân thể phục sinh vinh quang của những người đã tiếp nhận Chúa Cứu Thế làm Cứu Chúa và Chủ Tể đời sống mình. Sự sống lại của Chúa Cứu Thế là bằng chứng và hy vọng cho mọi người con dân Chúa vì họ sẽ sống lại và được ở cùng Chúa Phục Sinh vinh quang, vĩnh hằng.

